

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 56 /CTVT

Việt Trung, ngày 02 tháng 4 năm 2023

Về việc giải trình lợi nhuận sau
thuế TNDN tại báo cáo
KQHĐKD Quý I năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I/2023 và tình hình thực tế của Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình (mã chứng khoán: VTQ)

Công ty xin giải trình nguyên Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh biến động hơn 10% và lỗ tại Quý I/2023, cụ thể như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐTV	Quý I/2023	Quý I/2022	Chênh lệch	% tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	(7)=(6)/(5)
1	Sản lượng mũ cao su	Tấn	149,3	162,2	-12,9	-8,0
2	Sản lượng gỗ tinh chế	m3	55,1	125,4	-70,3	-56,0
3	Sản lượng gỗ sơ chế	m3	126,9	313,6	-186,7	-59,5
4	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	Đồng	6.854.322.716	9.243.485.374	-2.389.162.658	-25,8
5	Giá vốn hàng bán	Đồng	7.791.712.796	8.336.677.358	-544.964.562	-6,5
6	Lợi nhuận gộp	Đồng	-937.390.080	906.808.016	-1.844.198.096	-203,4
7	Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	1.214.899	1.023.180	191.719	18,7
8	Chi phí tài chính	Đồng	967.138.826	811.256.333	155.882.493	19,2
9	Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	2.896.307.419	3.347.319.718	-451.012.299	-13,5
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Đồng	-4.799.621.426	-3.250.744.855	-1.548.876.571	47,6



11	Lợi nhuận khác	Đồng	390.637.730	377.927.763	12.709.967	3,4
12	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	-4.408.983.696	-2.872.817.092	-1.536.166.604	53,5
13	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-4.408.983.696	-2.872.817.092	-1.536.166.604	53,5

Nguyên nhân:

Trong Quý I/2023, Công ty đã có những cố gắng để đạt được những kết quả tốt nhất tuy nhiên, do ảnh hưởng của biến động kinh tế thị trường thế giới cũng như trong nước cũng như ảnh hưởng của thời tiết làm sản lượng mù cao su (Chỉ tiêu 1), gỗ tinh chế (Chỉ tiêu 2), gỗ sơ chế (Chỉ tiêu 3) của Quý I/2023 giảm lần lượt là 12,9 tấn, 70,3 m³ và 186,7 m³ làm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng (chỉ tiêu 4) giảm 2.389.162.658 đồng (tương đương 25,8 %);

Công ty đã tiết kiệm các khoản đầu tư không cần thiết làm giảm giá vốn hàng 544.964.562 đồng. Dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 1.844.198.096 đồng so với cùng kỳ năm 2022.

Chi phí tài chính: Do biến động lãi suất tăng từ cuối năm 2022 và đầu năm 2023 dẫn đến chi phí tài chính tăng 155.882.493 đồng tương ứng với 19,2% . Chi phí hoạt động (chỉ tiêu 9) giảm 451.012.299 đồng dẫn đến Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (chỉ tiêu 10) giảm 1.548.876.571 đồng. Lợi nhuận khác (chỉ tiêu 11) tăng 12.709.967 đồng. Theo đó lợi nhuận sau thuế (chỉ tiêu 13) giảm 1.536.166.604 đồng.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty để làm rõ vấn đề dẫn đến nguyên nhân lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh biến động hơn 10% và lỗ tại Quý I/2023.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Văn Thành